TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DS-PT
Ngày 17 tháng 01 năm 2024
"V/v tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tân

Các Thẩm phán: Ông Lê Phan Công Trí

Bà Giang Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà H Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Quyền, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 163/2023/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2023/DS-ST, ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 212/2023/QĐ-PT, ngày 24 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Q**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp Ninh H xã Ninh Q, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông **Phan Văn C**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp Ninh H1, xã Ninh Q1, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Lê Thị Đ**, sinh năm 1975

- Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1962

- Bà **Phan Thị H1**, sinh năm 1964

- Ông **Phan Văn T**, sinh năm 1973

- Bà **Đinh Thị U**, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Ấp Ninh H1, xã Ninh Q1, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Ủy ban nhân dân (UBND) xã Ninh Q1, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Quốc Q2 - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K – Phó chủ Uỷ ban nhân dân xã.

Địa chỉ: Ấp Ninh T, xã Ninh Q1, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà Q, bà Đ, bà H có mặt; UBND xã Ninh Q1 có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Q trình bày: Bà Q yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế quyền sử dụng đất của cha, mẹ bà Q là cụ Phan Văn Quí (chết năm 2020), cụ Võ Thị Mè (chết năm 2018) để lại có tổng diện tích khoảng 05 công tầm cấy *(qua đo đạc thực tế có tổng diện tích là 7.779,8m^2),* đất tọa lạc tại ấp Ninh Hiệp, xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu cho bà Phan Thị Q và ông Phan Văn C mỗi người hưởng ½ diện tích đất. Ngoài ra bà Q không có yêu cầu gì khác.

Cha, mẹ bà Q có tất cả 04 người con, gồm: Bà Phan Thị H, bà Phan Thị H1, ông Phan Văn C và bà Phan Thị Q. Ngoài ra cha, mẹ bà Q không còn người con nào khác.

Cha, mẹ bà Q chết không có để lại di chúc. Phần đất mà bà Q yêu cầu chia thừa kế nêu trên cụ Phan Văn Quí là cha của bà Q đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lý do cha, mẹ bà Q có tất cả 04 người con nhưng bà chỉ yêu cầu chia thừa kế phần đất nêu trên cho bà Q và ông C được hưởng là bởi vì khi cha, mẹ bà Q còn sống đã có cho đất hai người chị của bà Q và ông C là bà Phan Thị H1 và bà Phan Thị H. Chỉ có bà Q và ông C là chưa được cho đất.

Trong phần đất mà bà Q yêu cầu chia thừa kế nêu trên có một phần diện tích khoảng 01 công tầm cấy trước đây khi cha, mẹ của bà Q là cụ Phan Văn Quí, cụ Võ Thị Mè còn sống đã cố lại cho ông Phan Văn T ngụ cùng ấp với số tiền là 15.000.000 đồng và có một phần diện tích khoảng 02 công tầm cấy vợ cH ông Phan Văn C, bà Lê Thị Đ cố lại cho ông Phan Văn T sau khi cha, mẹ bà Q chết với số tiền là 35.000.000 đồng. Bà Q yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Phan Văn T phải giao lại phần đất nhận cố từ cha, mẹ của bà và nhận cố từ vợ cH ông C, bà Đ để chia thừa kế cho bà và ông C. Đối với số tiền 15.000.000 đồng mà cha, mẹ bà Q cố đất cho ông Phan Văn T thì bà Q đồng ý trả lại ½ số tiền này (tương đương 7.500.000 đồng) cho ông T. Số tiền 7.500.000 đồng còn lại thì ông C có trách nhiệm trả cho ông T vì phần đất mà cha, mẹ bà Q cố lại cho ông T nêu trên chỉ có bà Q và ông C chia thừa kế với nhau. Hai người chị của bà Q và ông C là bà H và bà H1 đã có ý kiến xin từ chối nhận thừa kế đối với phần đất này.

Đối với số tiền 35.000.000 đồng mà vợ chồng ông C, bà Đ cố đất cho ông T thì vợ chồng ông C, bà Đ có trách nhiệm trả cho ông T.

Đối với các tài sản có trên đất của cha, mẹ bà Q để lại thì bà Q có ý kiến như sau: Các tài sản nào của cha, mẹ bà Q nằm trên phần đất mà bà Q được Tòa án chia phần thì bà Q xin được hưởng, các tài sản nào của cha, mẹ nằm trên phần đất mà ông C được Tòa án chia phần thì bà Q đồng ý để cho ông C được hưởng, nếu có cH1h lệnh giá trị tài sản mà bà Q và ông C được hưởng thì người nào hưởng nhiều hơn có trách nhiệm hoàn trả giá trị lại cho người kia.

Đối với các tài sản trên đất do ông C đầu tư xây dựng và trồng thì bà Q có ý kiến như sau: Các tài sản nào do ông C đầu tư xây dựng và trồng nằm trên phần đất mà bà Q được Tòa án chia phần nếu có thể di dời ra khỏi đất thì bà Q yêu cầu ông C phải di dời ra khỏi phần đất mà bà Q được Tòa án chia phần, các tài sản nào không di dời được thì bà Q đồng ý hoàn trả giá trị cho ông C. Ngoài ra bà Q không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Phan Văn C trình bày: Ông C không đồng ý đối với yêu cầu của bà Phan Thị Q về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất của cha, mẹ ông C và cũng là cha mẹ của bà Q là cụ Phan Văn Quí (chết năm 2020), cụ Võ Thị Mè (chết năm 2018) để lại có tổng diện tích khoảng 05 công tầm cấy (qua đo đạc thực tế có tổng diện tích là 7.779,8m^2) tọa lạc tại ấp Ninh Hiệp, xã Ninh Quới A, huyện H Dân, tỉnh Bạc Liêu cho ông C và bà Q mỗi người hưởng ½ diện tích đất. Ông C chỉ đồng ý chia cho bà Q phần đất chiều ngang khoảng 06m, chiều dài khoảng 32m *(tổng diện tích khoảng 192m^2)* có vị trí từ kênh Quản lộ – Phụng Hiệp trở ngược lên hậu đất và từ giáp ranh đất của bà Phan Thị H đo trở ngược qua phần đất mà vợ cH ông C đang quản lý, sử dụng hiện nay.

Cha, mẹ ông C có tất cả 04 người con, gồm: Bà Phan Thị H, bà Phan Thị H1, ông Phan Văn C và bà Phan Thị Q. Ngoài ra cha, mẹ ông C không còn người con nào khác. Cha, mẹ của ông C chết không có để lại di chúc.

Lý do ông C không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà Q là bởi vì bà Q đã có cH và về bên cH sinh sống hơn 15 năm nay, khi cha mẹ đổ bệnh thì chỉ một mình ông C trực tiếp chăm sóc cho cha, mẹ. Bà Q không có phụ giúp ông C chăm sóc cho cha, mẹ. Hiện tại ông C đang là người thờ cúng cha, mẹ, ông C muốn giữ lại phần đất mà bà Q yêu cầu chia thừa kế nêu trên để lo hương, khói cho cha mẹ hàng năm. Phần đất mà bà Q đang khởi kiện yêu cầu chia thừa kế với ông C nêu trên cha ông C là cụ Phan Văn Quí đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất này, cha mẹ ông C không có thế chấp vay vốn tại tổ chức tín dụng nào. Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất này hiện tại đã bị thất lạc. Ông C không có giữ và các chị, em của ông C cũng không có ai giữ.

Trong phần đất mà bà Q khởi kiện yêu cầu chia thừa kế với ông C có một phần diện tích đất khoảng 01 công tầm cấy trước đây khi cha, mẹ ông C còn sống đã cố lại cho ông Phan Văn T và một phần diện tích khoảng 02 công tầm cấy vợ chồng ông Phan Văn C, bà Lê Thị Đ cố lại cho ông T sau khi cha, mẹ ông C chết. Trước đây khi cha, mẹ ông C còn sống thì ông có nghe cha, mẹ nói cố lại phần đất ruộng diện tích 01 công tầm cấy với số tiền là 15.000.000 đồng cho ông Phan Văn T. Còn cụ thể có làm giấy tờ cố đất hay không thì ông không rõ. Việc cố đất giữa vợ cH ông C, bà Đ với ông Phan Văn T thì có làm giấy tay cố đất. Giấy tay cố đất giữa vợ chồng ông C với ông T chính là "Giấy cố đất" đề ngày 24/05/2018 và "Giấy cố đất" đề ngày 07/03/2022. Vợ chồng ông C đã nhận đủ tổng số tiền 35.000.000 đồng cố đất cho ông Phan Văn T vào năm 2018 và năm 2022. Ông C không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với giao dịch cố đất giữa cha, mẹ ông và giao dịch cố đất giữa vợ chồng ông với ông Phan Văn T nêu trên.

Trường hợp Tòa án hủy hợp đồng cố đất giữa cha, mẹ ông với ông Phan Văn T đồng thời buộc các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận thì đối với số tiền 15.000.000 đồng mà cha, mẹ ông đã nhận của ông T từ việc cố đất cho ông T thì bà Q có trách nhiệm trả cho ông T toàn bộ số tiền này. Ông C không đồng ý trả cho ông T số tiền này.

Trường hợp Tòa án hủy hợp đồng cố đất giữa vợ cH ông C với ông Phan Văn T đồng thời buộc các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận thì ông C đồng ý trả lại cho ông T số tiền mà vợ cH ông đã nhận của ông T từ việc cố đất cho ông T. Ngoài ra ông C không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị H trình bày:

Phần đất mà bà Phan Thị Q khởi kiện yêu cầu chia thừa kế với ông Phan Văn C nêu trên có nguồn gốc là của cha mẹ bà H và cũng là cha mẹ của bà Q, ông C là cụ Phan Văn Quí, cụ Võ Thị Mè chết để lại. Khi cha, mẹ bà H chết thì không có để lại di chúc. Bà H xin từ chối nhận kỷ phần mà bà được hưởng trong phần đất mà bà Q yêu cầu chia thừa kế nêu trên vì trước đây khi cha, mẹ bà H còn sống đã có cho đất bà H rồi. Đối với các tài sản của cha mẹ bà H chết để lại có trên phần đất tranh chấp thì bà H cũng xin từ chối nhận phần di sản này, bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật cho bà Q và ông C.

Đối với giao dịch cố đất giữa cha, mẹ bà H với ông Phan Văn T và giao dịch cố đất giữa vợ cH ông C, bà Đ với ông Phan Văn T bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ai thừa hưởng phần đất này thì có trách nhiệm hoàn trả số tiền mà cha, mẹ bà H cố đất cho ông Phan Văn T.

Đối với việc cơ quan đo đạc kết luận, trong phần đất mà bà Phan Thị Q khởi kiện yêu cầu chia thừa kế có một phần diện tích đất 391,6m^2 nằm tại thửa 116 và một phần diện tích 46,8m^2 nằm tại thửa 126 cùng tờ bản đồ số 30 do hộ ông Huỳnh

Văn T đứng tên trên sổ Mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào theo hồ sơ địa chính xã Ninh Quới A thành lập năm 2009 thì do nhà của vợ chồng bà Phan Thị H, ông Huỳnh Văn T giáp ranh với phần đất mà bà Q khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nêu trên nên có thể khi kê khai cH bà H là ông Huỳnh Văn T đăng ký mục kê nhầm thửa. Trên thực tế phần đất mà bà Q yêu cầu chia thừa kế với ông C là của cha, mẹ bà H và cũng là cha, mẹ của bà Q, ông C là cụ Phan Văn Quí, cụ Võ Thị Mè chết để lại chứ không phải đất của hộ gia đình bà Phan Thị H, ông Huỳnh Văn T. Ngoài ra bà H không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị H1 trình bày:

Phần đất mà bà Phan Thị Q khởi kiện yêu cầu chia thừa kế với ông Phan Văn C nêu trên có nguồn gốc là của cha mẹ bà H1 và cũng là cha mẹ của bà Q, ông C là cụ Phan Văn Quí, cụ Võ Thị Mè chết để lại. Khi cha, mẹ bà H1 chết thì không có để lại di chúc. Bà H1 xin từ chối nhận kỷ phần mà bà được hưởng trong phần đất mà bà Q yêu cầu chia thừa kế nêu trên vì trước đây khi cha, mẹ bà H1 còn sống đã có cho đất bà H1 rồi. Đối với các tài sản của cha mẹ bà H1 chết để lại có trên phần đất tranh chấp thì bà H1 cũng xin từ chối nhận phần di sản này, bà H1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật cho bà Q và ông C.

Đối với giao dịch cố đất giữa cha, mẹ bà H1 với ông Phan Văn T và giao dịch cố đất giữa vợ cH ông C, bà Đ với ông Phan Văn T bà H1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ai thừa hưởng phần đất này thì có trách nhiệm hoàn trả số tiền mà cha, mẹ bà H1 cố đất cho ông Phan Văn T.

Đối với việc cơ quan đo đạc kết luận, trong phần đất mà bà Q khởi kiện yêu cầu chia thừa kế có một phần diện tích 65,5m^2 *(41,1m^2 +24,4m^2)* nằm tại thửa 137 tờ bản đồ số 30 do hộ bà Phan Thị H1 đứng tên trên sổ Mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào theo hồ sơ địa chính xã Ninh Quới A thành lập năm 2009 thì do nhà của bà H1 giáp ranh với phần đất mà bà Q khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nêu trên nên có thể khi kê khai gia đình bà H1 đăng ký mục kê nhầm thửa. Trên thực tế phần đất diện tích 65,5m^2 *(41,1m^2 +24,4m^2)* nằm tại thửa 137 tờ bản đồ số 30 nêu trên là của cha, mẹ bà H1 và cũng là cha, mẹ của bà Q, ông C là cụ Phan Văn Quí, cụ Võ Thị Mè chết để lại chứ không phải đất của hộ gia đình bà Phan Thị H1. Ngoài ra bà H1 không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn T, bà Đinh Thị Út thống nhất trình bày: Trước đây vào ngày 03/07/2015 cha, mẹ của bà Phan Thị Q và ông Phan Văn C là cụ Phan Văn Quí, cụ Võ Thị Mè có cố lại cho vợ cH ông Phan Văn T, bà Đinh Thị Út phần đất ruộng diện tích 01 công tầm cấy với số tiền là 15.000.000 đồng. Thời hạn cố đất là 03 năm, hai bên thỏa thuận đến thời hạn chuộc đất mà cụ Quí, cụ Mè không chuộc lại thì vợ cH ông T, bà Út tiếp tục canh

tác phần đất này. Việc cố đất giữa hai bên có làm "Tờ cố đất" đề ngày 03/07/2015, vợ cH ông T đã giao đủ số tiền 15.000.000 đồng cho vợ chồng cụ Quí, cụ Mè nhận khi hai bên làm giấy cố đất nêu trên.

Đến ngày 24/05/2018 âm lịch, vợ cH ông Phan Văn C, bà Lê Thị Đ cố lại cho vợ cH ông T, bà U phần đất ruộng diện tích 01 công tầm cấy với số tiền là 20.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn cố đất là 02 năm, đến hạn chuộc mà vợ cH ông C, bà Đ không chuộc lại thì vợ chồng ông T, bà U tiếp tục làm đất này. Việc cố đất giữa hai bên có làm "Giấy cố đất" đề ngày 24/05/2018, vợ cH ông T, bà U đã giao đủ số tiền 20.000.000 đồng cho vợ cH ông C, Đ nhận khi hai bên làm giấy cố đất nêu trên.

Vào ngày 07/03/2022 vợ cH ông Phan Văn C, bà Lê Thị Đ tiếp tục cố thêm cho vợ chồng ông T, bà Út phần đất ruộng diện tích 01 công tầm cấy với số tiền là 15.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn cố đất cũng là 02 năm, đến hạn chuộc mà vợ cH ông C, bà Đ không chuộc lại thì vợ chồng ông T, bà Út tiếp tục làm đất này. Việc cố đất giữa hai bên có làm "Giấy cố đất" đề ngày 07/03/2022, vợ chồng ông T đã giao đủ số tiền 15.000.000 đồng cho vợ chồng ông C, Đ nhận khi hai bên làm giấy cố đất nêu trên.

Phần đất mà vợ cH cụ Quí, cụ Mè và phần đất mà vợ chồng ông C, bà Đ cố lại cho vợ chồng ông T, bà Út có tổng diện tích là 03 công tầm cấy (qua đo đạc thực tế có tổng diện tích là 3.900m^2). Vợ chồng ông T, bà Út không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với giao dịch cố đất giữa vợ cH ông, bà với vợ chồng cụ Quí, cụ Mè và vợ chồng ông C, bà Đ nêu trên. Trường hợp Tòa án giải quyết hủy hợp đồng cố đất giữa vợ chồng ông T, bà Út với vợ chồng cụ Quí, cụ Mè thì vợ chồng ông T, bà Út yêu cầu các con của cụ Quí, cụ Mè phải trả lại số tiền mà vợ chồng cụ Quí, cụ Mè đã nhận của vợ chồng ông T, bà Út. Trường hợp Tòa án giải quyết hủy hợp đồng cố đất giữa vợ chồng ông T, bà Út với vợ chồng ông C, bà Đ thì vợ cH ông T, bà Út yêu cầu vợ cH ông C, bà Đ phải trả lại số tiền đã nhận từ việc cố đất cho vợ chồng ông, bà. Ngoài ra ông T, bà Út không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Đ trình bày: Bà Đ là vợ của ông Phan Văn C. Bà Đ thống nhất với ý kiến của chồng bà là ông Phan Văn C trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài ra bà Đ không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND xã Ninh Quới A, huyện H Dân, tỉnh Bạc Liêu trình bày: Tại bản tự khai ngày 23/06/2023 người đại diện theo ủy quyền của UBND xã Ninh Quới A xác định việc cơ quan đo đạc kết luận trong phần đất tranh chấp giữa bà Phan Thị Q với ông Phan Văn C có một phần diện tích 107,6m^2 (*29,4m^2 + 78,2m^2*) nằm trong thửa D2, cùng tờ bản đồ số 30, do UBND xã quản lý và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối

tượng nào theo hồ sơ địa chính xã Ninh Quới A thành lập năm 2009 là bởi vì theo quy định của pháp luật về đất đai thì đối với đất chưa có ai đứng tên trên sổ mục kê sẽ do UBND xã nơi có đất quản lý. Tuy nhiên, theo hồ sơ địa chính xã Ninh Quới A thành lập năm 1993 thì phần diện tích 107,6m^2 nêu trên nằm trong thửa 130, tờ bản đồ số 03 đã cấp giấy chứng nhận cho cụ Phan Văn Quí là cha của bà Phan Thị Q và ông Phan Văn C. Việc Tòa án giải quyết phần diện tích đất tranh chấp nêu trên cho đương sự nào được quyền sử dụng, UBND xã không có ý kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2023/DS-ST, ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện H Dân, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế quyền sử dụng đất của bà Phan Thị Q đối với ông Phan Văn C.

1.1. Chia cho bà Phan Thị Q phần đất có tổng diện tích là 3.748,8m^2, cụ thể như sau:

Thửa 1, diện tích 29,4m^2: Hướng Đ giáp đường bê tông, cạnh dài 9,3m ; Hướng Tây giáp Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp, cạnh dài 9,4m; Hướng Nam giáp thửa số 4, cạnh dài 3,8m; Hướng Bắc giáp phần đất bà Phan Thị H, cạnh dài 2,6m. (Ký hiệu là thửa số 1 của Mảnh trích đo địa chính số 03-2023)

Thửa 2, diện tích 304,4m^2: Hướng Đ giáp thửa số 3, có cạnh dài 11,0m; Hướng Tây giáp đường bê tông, cạnh dài 9,3m; Hướng Nam giáp thửa số 5, cạnh dài 29,2m; Hướng Bắc giáp phần đất bà Phan Thị H, cạnh dài 30,5m. (Ký hiệu là thửa số 2 của Mảnh trích đo địa chính số 03-2023)

Thửa 3, diện tích 3.415,0m^2: Hướng Đ giáp phần đất ông Phan Văn T + bà Phan Thị H1, cạnh dài 26,6m; Hướng Tây giáp thửa số 2 + phần đất bà Phan Thị H, cạnh dài 25,6m; Hướng Nam giáp thửa số 6, cạnh dài 114,9m; Hướng Bắc giáp phần đất bà Phan Thị H1 + ông Lê Thành Năm, cạnh dài 113,6m. (Ký hiệu là thửa số 3 của Mảnh trích đo địa chính số 03-2023)

Chia cho bà Phan Thị Q các tài sản do cụ Mè, cụ Quí đầu tư xây dựng và trồng trên phần đất bà Q được chia nêu trên, gồm: 03 cây chuối đang cho trái, 09 cây dừa đang cho trái, 01 cây xoài đã cho trái, 01 cây tràm bông vàng đường kính gốc hơn 50 cm, 01 cây tràm rừng đường kính gốc hơn 20 cm.

Bà Phan Thị Q được quyền sở hữu đối với 03 cây mai vàng nhỏ, 06 cây bông trang do ông Phan Văn C trồng trên phần đất được chia thừa kế nêu trên.

1.2. Chia cho ông Phan Văn C phần đất có tổng diện tích là 4.031,0m^2, cụ thể như sau:

Thửa 4, diện tích 78,2m^2: Hướng Đ giáp đường bê tông, cạnh dài 17,8m; Hướng Tây giáp Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp, cạnh dài 1,6m; Hướng Nam giáp

phần đất bà Phan Thị H1, cạnh dài 21,2m; Hướng Bắc giáp thửa số 1, cạnh dài 3,8m; (Ký hiệu là thửa số 4 của Mảnh trích đo địa chính số 03-2023)

Thửa 5, diện tích 537,8m^2: Hướng Đ giáp thửa số 6, cạnh dài 20,6m; Hướng Tây giáp đường bê tông, cạnh dài 18,3m; Hướng Nam giáp phần đất bà Phan Thị H1, cạnh dài 26,4m; Hướng Bắc giáp thửa số 2, cạnh dài 29,2m; (Ký hiệu là thửa số 5 của Mảnh trích đo địa chính số 03-2023)

Thửa 6, diện tích 3415,0m^2: Hướng Đ giáp phần đất ông Phan Văn T, cạnh dài 30,2m; Hướng Tây giáp thửa số 5, cạnh dài 20,6m; Hướng Nam giáp phần đất bà Phan Thị H1 + ông Phan Văn T, cạnh dài 128,3m; Hướng Bắc giáp thửa số 3, cạnh dài 114,9 m; (Ký hiệu là thửa số 6 của Mảnh trích đo địa chính số 03-2023)

Chia cho ông Phan Văn C các tài sản do cụ Mè, cụ Quí đầu tư xây dựng và trồng trên phần đất ông C được chia nêu trên, gồm: Nhà 1: Ngang 04m x dài 8,4m = 33,6m^2, kết cấu: móng cuốn nền, khung sườn cột sắt hộp, đỡ mái sắt hộp, mái lộp tol kẽm, vách tol kẽm, nền lót gạch men; Nhà 2: Ngang 05m x dài 14m = 70m^2, kết cấu: Khung sườn cột cây gỗ địa phương, mái lộp tol xi măng, nền đất, một phần vách thiết, một phần vách lá; Mái che 1: Ngang 02m x dài 05m = 10m^2, kết cấu khung sườn cột gỗ địa phương, mái lộp thiết; Mái che 2: Ngang 03m x dài 05m = 15m^2, kết cấu khung sườn cột gỗ địa phương, mái lộp thiết; 01 cây mai vàng lớn; 01 cây tràm rừng đường kính gốc nhỏ hơn 10cm; 02 cây dừa đang cho trái; 01 cây gừa; một bụi lục bình diện tích khoảng 03m^2; 01 cây xà cừ đường kính gốc hơn 20cm.

Đối với các tài sản do ông C đầu tư xây dựng và trồng trên phần đất mà ông C được chia thừa kế ông C được tiếp tục quản lý, sử dụng đối với các tài sản này.

Buộc ông Phan Văn C có trách nhiệm hoàn lại cho bà Phan Thị Q số tiền là 69.448.000 đồng.

2. Vô hiệu hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất (Vô hiệu "Tờ cố đất" đề ngày 03/07/2015) giữa vợ cH cụ Phan Văn Quí, cụ Võ Thị Mè với vợ chồng ông Phan Văn T, bà Đinh Thị Út.

Vô hiệu hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất (Vô hiệu "Giấy cố đất" đề ngày 24/05/2018 và "Giấy cố đất" đề ngày 07/03/2022) giữa vợ chồng ông Phan Văn C, bà Lê Thị Đ với vợ chồng ông Phan Văn T, bà Đinh Thị Út.

Buộc vợ chồng ông Phan Văn T, bà Đinh Thị Út có trách nhiệm giao trả lại phần đất qua đo đạc thực tế là 3.900m^2 thuộc thửa đất số 133, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp Ninh Hiệp, xã Ninh Quới, huyện H Dân, tỉnh Bạc Liêu cho ông Phan Văn C và bà Phan Thị Q.

Phần đất buộc vợ chồng ông Phan Văn T, bà Đinh Thị Út giao trả có tứ cạnh như sau: Hướng Đ giáp phần đất ông Phan Văn T + bà Phan Thị H1, cạnh dài

56,8m; Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa số 3 + thửa số 6, cạnh dài 63,4m; Hướng Nam giáp phần đất ông Phan Văn T, cạnh dài 62,2m; Hướng Bắc giáp phần đất bà Phan Thị H1 + ông Lê Thành Năm, cạnh dài 65,6m. (Ký hiệu là thửa số 7 của Mảnh trích đo địa chính số 03 -2023)

Buộc vợ cH ông Phan Văn T, bà Đinh Thị Út có nghĩa vụ thu hoạch lúa trên phần đất buộc giao trả cho ông Phan Văn C và bà Phan Thị Q.

Buộc bà Phan Thị Q và ông Phan Văn C mỗi người có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Phan Văn T, bà Đinh Thị Út số tiền là 7.500.000 đồng.

Buộc vợ cH ông Phan Văn C, bà Lê Thị Đ có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông Phan Văn T, bà Đinh Thị Út tổng số tiền là 35.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 18/9/2023 ông Phan Văn C và bà Lê Thị Đ kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét không chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo; Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không nộp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên toà thì Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế là có căn cứ. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm không xem xét công chăm sóc, nuôi dưỡng và thờ cúng cha mẹ của ông C, mà chia đều di sản thừa kế cho bà Q và ông C mỗi người ½ di sản là chưa đảm bảo quyền lợi của ông C. Đồng thời, Toà án cấp sơ thẩm chia diện tích 15,2m^2 là khu nhà mồ, trong đó có 02 ngôi mộ là không đúng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoảng 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phan Văn C và bà Lê Thị Đ, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 56/2023/DS-ST, ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện H Dân, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phan Văn C và bà Lê Thị Đ nộp trong thời hạn luật định và thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét nội dung kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Về việc vắng mặt đương sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân có đơn xin xét xử vắng mặt; những người còn lại đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt

không rõ lý do, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét kháng cáo của ông Phan Văn C và bà Lê Thị Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thống nhất xác định nguồn gốc phần đất mà bà Q yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật nêu trên (qua đo đạc thực tế có tổng diện tích là 7.779,8m^2) tại thửa 130 và thửa 133 cùng tờ bản đồ số 03 tọa lạc Ấp Ninh H xã Ninh Q, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu là của cụ Phan Văn Quí và cụ Võ Thị Mè, là cha, mẹ của bà Q, ông C chết để lại. Khi cụ Quí, cụ Mè chết thì không có để lại di chúc. Cụ Quí, cụ Mè chỉ có 04 người con gồm bà Phan Thị H, bà Phan Thị H1, ông Phan Văn C và bà Phan Thị Q, bà Phan Thị H, bà H và bà H1 đã có ý kiến từ chối nhận di sản, đây là các tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự. Căn cứ Điều 650 Bộ luật Dân sự 2015 thì việc bà Phan Thị Q yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần diện tích đất nêu trên là có căn cứ.

Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm chia cho bà Q và ông C mỗi người ½ di sản thừa kế mà không xem xét công chăm sóc, nuôi dưỡng, thờ cúng cha mẹ và quản lý di sản của ông C là chưa đảm bảo quyền lợi của ông C. Bà Q không có công đóng góp nhiều nên phải được hưởng kỷ phần ít hơn ông C; đồng thời chia cả diện tích 15,2m^2 đất khu nhà mồ, trong đó có 02 ngôi mộ là không đúng.

[3] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần sửa một phần Bản án sơ thẩm và chia lại phần di sản thừa kế như sau: Khối di sản do cụ Quí và cụ Mè để lại gồm diện tích đất 7.779,8m^2 và giá trị các tài sản, hoa màu trên đất có tổng giá trị theo định giá ngày 31/7/2023 là 625.924.000 đồng, được chia làm 03 kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị 208.641.333 đồng; chia cho bà Q 01 kỷ phần, chia cho ông C 02 kỷ phần, cụ thể: Chia cho bà Phan Thị Q được hưởng thừa kế quyền sử dụng phần đất có tổng diện tích 3.733,6m^2 *(gồm thửa số 1, số 2 và số 3 của Mảnh trích đo địa chính số 03-2023)* cùng các tài sản do cụ Mè, cụ Quí đầu tư xây dựng và trồng trên phần đất mà bà Q được chia thừa kế; chia ông Phan Văn C 02 kỷ phần, gồm diện tích đất 4.031,0m^2 và các tài sản trên đất do cụ Mè, cụ Quí đầu tư xây dựng và trồng trên phần đất mà ông C được chia thừa kế.

[3.1] Quyền sử dụng đất diện tích 3.733,6m^2 mà bà Q được chia thừa kế theo biên bản định giá có giá trị **232.440.733** đồng. Tổng giá trị các tài sản trên đất bà Q được chia gồm: 03 cây chuối đang cho trái, 09 cây dừa đang cho trái, 01 cây xoái đã cho trái, 01 cây tràm bông vàng đường kính gốc hơn 50cm, 01 cây tràm bông vàng đường kính gốc hơn 20cm có tổng giá trị **9.060.000** đồng; 03 cây mai vàng nhỏ, 06 cây bông trang, có giá trị là **240.000** đồng do ông C trồng. Xét thấy, việc buộc ông di dời các cây trồng này ra khỏi phần đất chia cho bà Q thì không khả thi trong giai đoạn thi hành án, đồng thời tại phiên toà sơ thẩm và phúc thẩm bà Q đồng ý hoàn trả giá trị các cây trồng trên cho ông C do đó cần ghi nhận ý chí

tự nguyện của bà Q và bà Q được quyền sở hữu đối với các cây trồng này là phù hợp.

[3.2] Quyền sử dụng đất diện tích 4.031,0m^2 mà ông C được chia thừa kế theo biên bản định giá có giá trị là **301.833.968** đồng. Tổng giá trị các tài sản trên đất ông C được chia gồm: Nhà 1: Ngang 04m x dài 8,4m = 33,6m^2, kết cấu: móng cuốn nền, khung sườn cột sắt hộp, đỡ mái sắt hộp, mái lộp tol kẽm, vách tol kẽm, nền lót gạch men; Nhà 2: Ngang 05m x dài 14m = 70m^2, kết cấu: Khung sườn cột cây gỗ địa phương, mái lộp tol xi măng, nền đất, một phần vách thiết, một phần vách lá; Mái che 1: Ngang 02m x dài 05m = 10m^2, kết cấu khung sườn cột gỗ địa phương, mái lộp thiết; Mái che 2: Ngang 03m x dài 05m = 15m^2, kết cấu khung sườn cột gỗ địa phương, mái lộp thiết; 01 cây mai vàng lớn; 01 cây tràm rừng đường kính gốc nhỏ hơn 10cm; 02 cây dừa đang cho trái; 01 cây gừa; một bụi lục bình diện tích khoảng 03m^2; 01 cây xà cừ đường kính gốc hơn 20cm, có tổng giá trị là **82.590.000** đồng. Đối với các tài sản do ông C đầu tư xây dựng và trồng trên phần đất mà ông C được chia thừa kế ông C được tiếp tục quản lý, sử dụng đối với các tài sản này.

[3.3] Giao diện tích đất nhà mồ ngang 3,8m x dài 04m = 15,2m^2 trong đó có 02 ngôi mộ cụ Quí và cụ Mè là cha mẹ bà Q và ông C cho các con của cụ Quí và cụ Mè là Phan Thị H, Phan Thị H1, Phan Văn C và Phan Thị Q có quyền quản lý, sử dụng không ai có quyền ngăn cản.

[3.4] Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất do cụ Quí, cụ Mè chết để lại trên phần đất được chia cho bà Q là 232.440.733 + 9.060.000 đồng = 241.500.733 đồng.

Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất do cụ Quí, cụ Mè chết để lại trên phần đất được chia cho ông C là 301.833.968 đồng + 82.5890.000 đồng = 384.423.968 đồng.

[3.5] Do giá trị kỷ phần tài sản được chia thừa kế của bà Q là 208.641.333 đồng, nhưng giá trị tài sản thực tế là 241.500.733 đồng. Vì vậy, bà Q có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cH1h lệch cho ông C số tiền 33.099.400 đồng, bao gồm: *(241.500.733 đồng – 208.641.339 đồng = 32.859.394 đồng + 240.000 đồng = 33.099.394 đồng).*

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phan Văn C và bà Lê Thị Đ. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 56/2023/DS-ST, ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện H Dân, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng và án phí: Chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Q và ông C phải chịu theo tỷ lệ giá trị tài sản được chia.

Ông Phan Văn C và bà Lê Thị Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm đương sự không có kháng cáo, Viện Kiểm sát không kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phan Văn C và bà Lê Thị Đ. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST, ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 122, 131, 615, 650, 651, 660, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Q đối với ông Phan Văn C về việc chia thừa kế tài sản.

1.1. Chia cho bà Phan Thị Q phần đất có tổng diện tích là 3.733,6m^2, cụ thể như sau:

Thửa 1, diện tích 29,4m^2: Hướng Đ giáp đường bê tông, cạnh dài 9,3m ; Hướng Tây giáp Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp, cạnh dài 9,4m; Hướng Nam giáp thửa số 4, cạnh dài 3,8m; Hướng Bắc giáp phần đất bà Phan Thị H, cạnh dài 2,6m. (Ký hiệu là thửa số 1 của Mảnh trích đo địa chính số 03-2023)

Thửa 2, diện tích 289,2m^2: Hướng Đ giáp thửa số 3, có cạnh dài 11,0m; Hướng Tây giáp đường bê tông, cạnh dài 9,3m; Hướng Nam giáp thửa số 5, cạnh dài 29,2m; Hướng Bắc giáp phần đất bà Phan Thị H, cạnh dài 30,5m. (Ký hiệu là thửa số 2 của Mảnh trích đo địa chính số 03-2023)

Thửa 3, diện tích 3.415,0m^2: Hướng Đ giáp phần đất ông Phan Văn T + bà Phan Thị H1, cạnh dài 26,6m; Hướng Tây giáp thửa số 2 + phần đất bà Phan Thị H, cạnh dài 25,6m; Hướng Nam giáp thửa số 6, cạnh dài 114,9m; Hướng Bắc giáp phần đất bà Phan Thị H1 + ông Lê Thành Năm, cạnh dài 113,6m. (Ký hiệu là thửa số 3 của Mảnh trích đo địa chính số 03-2023)

Chia cho bà Phan Thị Q các tài sản do cụ Mè, cụ Quí đầu tư xây dựng và trồng trên phần đất bà Q được chia, gồm: 03 cây chuối đang cho trái, 09 cây dừa đang cho trái, 01 cây xoài đã cho trái, 01 cây tràm bông vàng đường kính gốc hơn 50 cm, 01 cây tràm rừng đường kính gốc hơn 20 cm.

Bà Phan Thị Q được quyền sở hữu đối với 03 cây mai vàng nhỏ, 06 cây bông trang do ông Phan Văn C trồng trên phần đất được chia thừa kế nêu trên.

Buộc bà Q có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản chênh lệch cho ông C 33.099.394 đồng.

1.2. Chia cho ông Phan Văn C phần đất có tổng diện tích là 4.031,0m^2, cụ thể như sau:

Thửa 4, diện tích 78,2m^2: Hướng Đ giáp đường bê tông, cạnh dài 17,8m; Hướng Tây giáp Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp, cạnh dài 1,6m; Hướng Nam giáp phần đất bà Phan Thị H1, cạnh dài 21,2m; Hướng Bắc giáp thửa số 1, cạnh dài 3,8m; (Ký hiệu là thửa số 4 của Mảnh trích đo địa chính số 03-2023)

Thửa 5, diện tích 537,8m^2: Hướng Đ giáp thửa số 6, cạnh dài 20,6m; Hướng Tây giáp đường bê tông, cạnh dài 18,3m; Hướng Nam giáp phần đất bà Phan Thị H1, cạnh dài 26,4m; Hướng Bắc giáp thửa số 2, cạnh dài 29,2m; (Ký hiệu là thửa số 5 của Mảnh trích đo địa chính số 03-2023)

Thửa 6, diện tích 3415,0m^2: Hướng Đ giáp phần đất ông Phan Văn T, cạnh dài 30,2m; Hướng Tây giáp thửa số 5, cạnh dài 20,6m; Hướng Nam giáp phần đất bà Phan Thị H1 + ông Phan Văn T, cạnh dài 128,3m; Hướng Bắc giáp thửa số 3, cạnh dài 114,9 m; (Ký hiệu là thửa số 6 của Mảnh trích đo địa chính số 03-2023)

Chia cho ông Phan Văn C các tài sản do cụ Mè, cụ Quí đầu tư xây dựng và trồng trên phần đất ông C được chia nêu trên, gồm: Nhà 1: Ngang 04m x dài 8,4m = 33,6m^2, kết cấu: móng cuốn nền, khung sườn cột sắt hộp, đỡ mái sắt hộp, mái lộp tol kẽm, vách tol kẽm, nền lót gạch men; Nhà 2: Ngang 05m x dài 14m = 70m^2, kết cấu: Khung sườn cột cây gỗ địa phương, mái lộp tol xi măng, nền đất, một phần vách thiết, một phần vách lá; Mái che 1: Ngang 02m x dài 05m = 10m^2, kết cấu khung sườn cột gỗ địa phương, mái lộp thiết; Mái che 2: Ngang 03m x dài 05m = 15m^2, kết cấu khung sườn cột gỗ địa phương, mái lộp thiết; 01 cây mai vàng lớn; 01 cây tràm rừng đường kính gốc nhỏ hơn 10cm; 02 cây dừa đang cho trái; 01 cây gừa; một bụi lục bình diện tích khoảng 03m^2; 01 cây xà cừ đường kính gốc hơn 20cm.

Đối với các tài sản do ông C đầu tư xây dựng và trồng trên phần đất mà ông C được chia thừa kế ông C được tiếp tục quản lý, sử dụng đối với các tài sản này.

1.3 Giao diện tích đất nhà mồ ngang 3,8m x dài 04m = 15,2m^2, trên đất nhà mồ có kết cấu khung sườn cột gỗ địa phương, mái lộp thiết, một phần láng xi

măng, một phần lát gạch men. Bên trong nhà mồ có 02 ngôi mộ đá (là mộ cụ Quí và cụ Mè là cha mẹ bà Q và ông C) cho các con của cụ Quí và cụ Mè là bà Phan Thị H, bà Phan Thị H1, ông Phan Văn C và bà Phan Thị Q có quyền quản lý, sử dụng. (Ký hiệu là thửa số 2 của Mảnh trích đo địa chính số 03-2023)

2. Vô hiệu hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ("Tờ cố đất" đề ngày 03/07/2015) giữa vợ chồng cụ Phan Văn Quí, cụ Võ Thị Mè với vợ cH ông Phan Văn T, bà Đinh Thị U.

Vô hiệu hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ("Giấy cố đất" đề ngày 24/05/2018 và "Giấy cố đất" đề ngày 07/03/2022) giữa vợ chồng ông Phan Văn C, bà Lê Thị Đ với vợ chồng ông Phan Văn T, bà Đinh Thị U.

Buộc vợ chồng ông Phan Văn T, bà Đinh Thị U có trách nhiệm giao trả lại phần đất qua đo đạc thực tế là 3.900m^2 thuộc thửa đất số 133, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp Ninh Hiệp, xã Ninh Quới, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu cho ông Phan Văn C và bà Phan Thị Q.

Phần đất buộc vợ chồng ông Phan Văn T, bà Đinh Thị U giao trả có tứ cạnh như sau: Hướng Đ giáp phần đất ông Phan Văn T + bà Phan Thị H1, cạnh dài 56,8m; Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa số 3 + thửa số 6, cạnh dài 63,4m; Hướng Nam giáp phần đất ông Phan Văn T, cạnh dài 62,2m; Hướng Bắc giáp phần đất bà Phan Thị H1 + ông Lê Thành Năm, cạnh dài 65,6m. (Ký hiệu là thửa số 7 của Mảnh trích đo địa chính số 03 -2023)

Buộc vợ chồng ông Phan Văn T, bà Đinh Thị U có nghĩa vụ thu hoạch lúa trên phần đất buộc giao trả cho ông Phan Văn C và bà Phan Thị Q.

Buộc bà Phan Thị Q và ông Phan Văn C mỗi người có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Phan Văn T, bà Đinh Thị U số tiền là 7.500.000 đồng (Bảy triệu, năm trăm ngàn đồng) .

Buộc vợ chồng ông Phan Văn C, bà Lê Thị Đ có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông Phan Văn T, bà Đinh Thị Út tổng số tiền là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

(Mảnh trích đo địa chính số 03-2023, ngày 01/3/2023 và phụ phục kèm theo của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Dân là bộ phận gắn liền với Bản án).

3. Bà Phan Thị Q và ông Phan Văn C được quyền đến cơ quan có thẩm quyền

để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất mà bà Q, ông C được Tòa án chia thừa kế nêu trên theo quy định.

4. Chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp, photo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng số tiền là 12.302.000 đồng, bà Phan Thị Q phải chịu 4.100.000 đồng *(bốn triệu, một trăm ngàn đồng)*; ông Phan Văn C phải chịu số tiền là 8.202.000 đồng *(tám triệu, hai trăm lẽ hai ngàn đồng)*.

Bà Phan Thị Q đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng và đã chi xong.

Buộc ông Phan Văn C có trách nhiệm hoàn lại tiền chi phí tố tụng cho bà Phan Thị Q số tiền là 8.202.000 đồng (tám triệu, hai trăm lẽ hai ngàn đồng).

5. Về án phí: Buộc bà Phan Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 10.432.000 đồng *(Mười triệu, bốn trăm ba mươi hai ngàn đồng)*

Bà Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.000.000 đồng tại biên lai thu số 0006577, ngày 31/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân được chuyển thu án phí, bà Q còn phải nộp tiếp số tiền là 7.432.000 đồng *(Bảy triệu, bốn trăm ba mươi hai ngàn đồng)*.

Ông Phan Văn C phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 20.619.000 đồng *(Hai mươi triệu, sáu trăm mười chín ngàn đồng*).

Án phí dân sự phúc thẩm ông Phan Văn C và bà Lê Thị Đ không phải chịu.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND H. Hồng Dân;
- CCTHADS H. Hồng Dân;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Tân